

Số: 79/2026/QĐST-DS

Gia Lai, ngày 22 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 14/9/2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 132/2026/TLST-DS ngày 10/6/2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP C (V); địa chỉ: A T, phường C, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1965; số CCCD: 051065002830, cấp ngày 27/4/2021; Phó Giám đốc V - Chi nhánh G; địa chỉ: A T, phường P, tỉnh Gia Lai. Bà Trần Thị T, sinh năm 1978; số CCCD: 030178007951, cấp ngày 25/3/2021; Trưởng phòng G1 thuộc V - Chi nhánh G (Văn bản ủy quyền lại số: 20/UQ-CNGL-TCTH ngày 18/5/2026).

- *Bị đơn*: Ông Trương Minh P1, sinh năm 1978; số CCCD: 064078001540, cấp ngày 19/4/2021; địa chỉ: Tổ C N (nay là Tổ A), phường A, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Ông Trương Minh P1 có vay tiền và còn nợ tại Ngân hàng V Chi nhánh G (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) theo Hợp đồng cho vay số 212/2024-HĐCV/NHCT ngày 30/5/2024 và Giấy nhận nợ ngày 30/5/2024; Hợp đồng cho vay số 325/2024-HĐCV/NHCT ngày 25/7/2024 và Giấy nhận nợ ngày 25/7/2024. Ông Trương Minh P1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Tạm tính đến ngày 14/9/2026, ông Trương Minh P1 còn nợ số tiền vay gốc là 1.950.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 258.253.014 đồng và lãi quá hạn là 120.687.122 đồng. Nợ thặng dư: 59.205.080 đồng. Tạm tính đến ngày 14/9/2026, ông Trương Minh P1 còn nợ tổng số tiền là 2.388.145.216 đồng (*Hai tỷ ba trăm tám mươi tám triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm mười sáu đồng*).

2.2. Về phương án trả nợ: Trong thời hạn 02 tháng từ ngày 14/9/2026 đến ngày 14/11/2026, ông Trương Minh P1 có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng V Chi nhánh G số tiền 2.388.145.216 đồng (*Hai tỷ ba trăm tám mươi tám triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm mười sáu đồng*) và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 15/9/2026 theo các Hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp ông Trương Minh P1 vi phạm thời hạn trả nợ như đã cam kết nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo các Hợp đồng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 102/HĐTC ngày 09/02/2017 (Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 22/11/2018, ngày 22/4/2020, ngày 28/7/2022) và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1313/2019/HĐBĐ ngày 09/10/2019 (Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 13/02/2020, ngày 28/7/2022); để thu hồi nợ đối với:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 506 (thửa 00 cũ); tờ bản đồ số 145 (tờ 00 cũ), địa chỉ tại: Tổ C N (nay là Tổ A), phường A, tỉnh Gia Lai theo Giấy CNQSDĐ số AI 491643 do UBND thị xã A cấp ngày 29/5/2007, cập nhật thay đổi chủ sử dụng ngày 21/7/2017.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 507 (thửa 00 cũ); tờ bản đồ số 145 (tờ 00 cũ), có địa chỉ tại: Tổ C N (nay là Tổ A), phường A, tỉnh Gia Lai theo Giấy CNQSDĐ số BN 392482 do UBND thị xã A cấp ngày 18/6/2013, cập nhật thay đổi chủ sử dụng ngày 09/02/2017.

2.3. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.300.000đ. Ông Trương Minh P1 tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngân hàng đã nộp số tiền là 2.300.000đ nên ông Trương Minh P1 phải thanh toán lại cho Ngân hàng số tiền 2.300.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.4. Về án phí: Mức án phí hòa giải thành của số tiền 2.388.145.216 đồng trong vụ án là: $[72.000.000đ + (2\% \times 388.145.216đ)] \times 50\% = 39.881.452$ đồng Ông Trương Minh P1 tự nguyện chịu số tiền án phí là 39.881.452 (*Ba mươi chín triệu tám trăm tám mươi một nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng*).

Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 38.808.000 đồng (*Ba mươi tám triệu tám trăm lẻ tám nghìn đồng*) theo biên lai số 0006132 ngày 10/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 13-Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 13-Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đồng Ánh Đông